

Bản án số: 66/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 4 - 2025
“Về việc xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Anh Minh

Ông Huỳnh Minh Bền

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 708/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Khương Ngọc B, sinh năm: 1991 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 78/7, đường Q, khóm 2, phường 5, thành phố C, tỉnh C.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Ngọc L, sinh năm: 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 78/7, đường Q, khóm 2, phường 5, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Ngọc L kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Hiện nay chị xác định không còn tình cảm với anh L. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung tên Huỳnh Ngọc Châu Ngân, sinh ngày 30/9/2016 và Huỳnh Ngọc Trang Ngân, sinh ngày 10/10/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng chị.

Do bận công việc nên chị xin vắng mặt tại các phiên toà xét xử.

Tại bản tự khai đề ngày 24/3/2025, anh Huỳnh Ngọc L trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, nơi đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị B trình bày. Nay chị B yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung tên Huỳnh Ngọc Châu Ngân, sinh ngày 30/9/2016 và Huỳnh Ngọc Trang Ngân, sinh ngày 10/10/2018. Khi ly hôn, anh thống nhất giao 02 con cho chị B trực tiếp nuôi, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng anh.

Do bận công việc nên anh xin vắng mặt tại các phiên toà xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Khương Ngọc B, anh Huỳnh Ngọc L có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh chị là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét về yêu cầu của chị B về việc xin ly hôn với anh L, thấy rằng: Hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, anh chị xác định có nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị B yêu cầu ly hôn, anh L thống nhất với yêu cầu của chị B. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B về việc ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Huỳnh Ngọc Châu Ngân, sinh ngày 30/9/2016 và Huỳnh Ngọc Trang Ngân, sinh ngày 10/10/2018. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, anh L thống nhất với yêu cầu của chị B. Do đó, việc giao 02 con cho chị B trực tiếp nuôi là phù hợp.

Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh chị xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh chị xác định vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ lại vợ chồng anh chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị B phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Khương Ngọc B về việc xin ly hôn với anh Huỳnh Ngọc L (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 86, ngày 18/8/2016 của Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Cà Mau).

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Huỳnh Ngọc Châu Ngân, sinh ngày 30/9/2016 và Huỳnh Ngọc Trang Ngân, sinh ngày 10/10/2018 cho chị Khương Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Ngọc L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Ngọc Bích phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng. Ngày 30/12/2024, chị B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010078 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển thu ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND phường 5, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trương Thanh Quốc

